

# FATIG<sup>®</sup>

## 1. ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

**TÊN THUỐC:** FATIG<sup>®</sup>, dung dịch uống

**THÀNH PHẦN ĐỊNH TÍNH VÀ ĐỊNH LƯỢNG**

Magnesi gluconat: ..... 0,426g

Calci glycerophosphat: ..... 0,456g

Tá dược: Dung dịch sorbitol (70%) (không tinh thể hóa), sucrose, natri benzoat (E211), natri methyl parahydroxybenzoat (E219), vj trái lý đen, dung dịch acid clohydric loãng, nước tinh khiết.

Cho một ống 10ml

Một ống có chứa:

Phospho nguyên tố: ..... 67 mg (2,17 mmol)

Calci nguyên tố: ..... 87,3 mg (2,17 mmol)

Magnesi nguyên tố: ..... 25 mg (1,03 mmol)

**DẠNG BẢO CHẾ - QUY CÁCH ĐÓNG GÓI**

Dung dịch uống, ống 10 ml

Hộp 2 x 10 ống

**CHỦ SỞ HỮU GIẤY PHÉP TẠI VIỆT NAM:**

Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited.

3 Fraser Street, # 23-28 DUO Tower, Singapore 189352.

**NHÀ SẢN XUẤT: PHARMATIS**

Zone d'Activité Est No 1, 60190 ESTREES SAINT DENIS, FRANCE (Pháp)

## 2. CHỈ ĐỊNH

Thuốc này được dùng để điều trị suy nhược chức năng; bổ sung calci, magnesi và phospho trong các trường hợp thiếu hụt.

## 3. LƯU Ý!

*Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ. Để thuốc xa tầm tay trẻ em.*

## CHỐNG CHỈ ĐỊNH

*Không được dùng thuốc này trong những trường hợp sau :*

- Dị ứng với một trong các thành phần của dung dịch, đặc biệt là với parabens ;
- Nồng độ calci tăng bất thường trong máu hoặc trong nước tiểu ;
- Có sạn calci trong mô ;
- Dùng theo chế độ ăn kiêng đường fructose (vì thuốc này có chứa sorbitol và sucrose);
- Trẻ dưới 6 tuổi.

Nói chung thuốc này không được uống kết hợp cùng với KAYEXALATE, trừ khi có chỉ định của

## CÁCH DÙNG:

Pha loãng ống thuốc trong một ít nước và uống trước bữa ăn.

**LIỆU TRÌNH ĐIỀU TRỊ:** Không dùng thuốc này kéo dài quá 4 tuần.

**QUÁ LIỀU:** Chưa có hiện tượng quá liều nào được báo cáo.

## 5. TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Đối với một số người thuốc này có thể có tác dụng không mong muốn gây khó chịu ở mức độ nặng hay nhẹ; vì thuốc có chứa sorbitol nên có thể có rối loạn tiêu hóa và tiêu chảy.

*Hãy thông báo với bác sĩ hoặc dược sĩ của bạn biết mọi tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.*

## 6. TÍNH CHẤT DƯỢC LÝ

*Nhóm dược lý trị liệu: Thuốc bổ (A: đường tiêu hóa, chuyển hóa)*

## TÍNH CHẤT DƯỢC LỰC HỌC

Magnesi là cation thứ hai trong tế bào của cơ thể người, chỉ xếp sau kali. Magnesi đóng vai trò cơ bản trong sinh lý tế bào, tác động như một đồng yếu tố trong chuỗi phản ứng enzym và cũng là chất làm ổn định trong các thành phần khác nhau trong tế bào.

Calci là nguyên tố khoáng chủ yếu trong cơ thể người. Ở xương, calci bảo đảm sự cứng cáp và độ vững chắc của bộ xương và sự khỏe mạnh của răng. Ngoài bộ xương, calci còn đóng góp vào nhiều chức năng sống còn: cơ cơ, chức năng tim, sự đông máu, tính kích thích thần kinh-cơ, hoạt hóa các phản ứng enzym, dẫn truyền các xung thần kinh, bài tiết các hormon.

Phospho là anion chính trong tế bào của cơ thể người. Ngoài vai trò trong sự khoáng hóa xương, phospho còn tham gia vào nhiều chức năng thiết yếu trong chuyển hóa tế bào.

## TÍNH CHẤT DƯỢC ĐỘNG HỌC

Ruột non là nơi hấp thu chủ yếu của magnesi, hấp thu tuân theo cơ chế kcep một mặt, là hiện tượng hấp thu qua kênh vận chuyển vào tế bào thành, mặt khác là cơ chế hấp thu đặc hiệu về vận chuyển tích cực về phía máu.

Magnesi đào thải chủ yếu qua đường tiết niệu qua quá trình lọc qua cầu thận và tái hấp thu qua ống



- Nồng độ calci tăng bất thường trong máu hoặc trong nước tiểu ;
- Có cặn calci trong mô ;
- Đang theo chế độ ăn kiêng đường fructose (vi thuốc này có chứa sorbitol và sucrose);
- Trẻ dưới 6 tuổi.

Nói chung thuốc này không được uống kết hợp cùng với KAYEXALATE, trừ khi có chỉ định của thầy thuốc (xin đọc mục "TƯƠNG TÁC THUỐC VÀ NHỮNG TƯƠNG TÁC KHÁC").

*Nếu có điều gì nghi ngờ, bạn đừng do dự hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ của bạn.*

**THẬN TRỌNG KHI SỬ DỤNG**

Vi thuốc này có chứa sorbitol, đề nghị báo cáo cho bác sĩ của bạn biết nếu bạn bị tắc ống mật hoặc bị suy gan nặng.

Nếu bạn bị bệnh đái tháo đường hoặc đang theo chế độ ăn ít tinh bột, cần lưu ý rằng mỗi ống chứa 2,65g sucrose.

Cần lưu ý rằng mỗi ống có chứa 87,3 mg calci và 67 mg phospho.

Thuốc có chứa cồn từ 0,072 đến 0,079 g cồn cho mỗi liều sử dụng.

**TƯƠNG TÁC THUỐC VÀ NHỮNG TƯƠNG TÁC KHÁC**

*Để tránh tương tác với những thuốc khác, phải báo cáo bác sĩ hoặc dược sĩ các thuốc khác mà bạn đang điều trị. Đặc biệt khi đang điều trị bằng KAYEXALATE (natri polystyren sulphonat).*

**ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ ĐIỀU KHIỂN MÁY MÓC**

Không thấy ảnh hưởng.

**PHỤ NỮ MANG THAI – THỜI KỲ CHO CON BÚ**

Tốt nhất không nên dùng thuốc này trong thời kỳ mang thai. Nếu bạn phát hiện thấy mình mang thai và đang khởi đầu dùng thuốc, nên hỏi ý kiến bác sĩ để họ có thể tự quyết định xem bạn có nên tiếp tục dùng thuốc nữa hay không.

Tránh dùng thuốc này trong thời kỳ cho con bú.

*Theo nguyên tắc chung, nếu bạn mang thai hoặc cho con bú, nên xin ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ của bạn trước khi điều trị bằng bất kỳ thuốc nào.*

**DANH SÁCH CÁC TÁ ĐƯỢC CẦN LƯU Ý ĐỐI VỚI MỘT SỐ NGƯỜI BỆNH ĐỂ DÙNG THUỐC AN TOÀN**

Sucrose, sorbitol, natri benzoat (E211), natri metyl parahydroxybenzoat (E219), propylen glycol.

**4. LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG**

*Chỉ dùng cho người lớn và trẻ trên 6 tuổi.*

*Không dùng thuốc này quá 4 tuần.*

*Không được nêm thuốc này.*

**BƯỜNG DÙNG:** Đường uống

**LIỀU DÙNG:** Người lớn: 2 đến 3 ống mỗi ngày.  
Trẻ em từ 6 đến 15 tuổi: 1 ống mỗi ngày.

**TÍNH CHẤT ĐƯỢC ĐỘNG HỌC**

Ruột non là nơi hấp thu chủ yếu của magnesium, hấp thu tuân theo cơ chế kịc một mặt, là hiện tượng hấp thu qua khuếch tán thụ động vào tế bào thành, mặt khác là cơ chế hấp thu đặc hiệu về vận chuyển tích cực về phía máu.

Magnesi đào thải chủ yếu qua đường tiết niệu qua quá trình lọc qua cầu thận và tái hấp thu qua ống thận.

Sự hấp thu đóng vai trò chính trong được lọc học của calci, vì được điều hòa tùy thuộc như cầu của cơ thể. Hấp thu calci là qua ruột non.

Calci đào thải chủ yếu qua phân, còn qua nước tiểu, mồ hôi.

Cũng như với calci, thì sự chuyển hóa của phospho, đặc biệt là sự hằng định nội môi của phospho chịu sự kiểm soát của hormon tuyến cận giáp trạng, còn sự hấp thu thì chịu sự kiểm soát của vitamin D.

Phospho đào thải chủ yếu qua đường tiết niệu, một phần qua phân.

**7. HẠN DÙNG - BẢO QUẢN**

**THỜI HẠN SỬ DỤNG:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Không dùng thuốc quá thời hạn sử dụng ghi trên bao bì.

**ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN ĐẶC BIỆT:**

Bảo quản ở nhiệt độ không quá 30°C.

100000

